CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 3922/QĐ-ĐHCT ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

1. Thông tin chung về ngành đào tạo

Ngành học: **Thú y** (Veterinary Medicine) Mã ngành: 7640101

Số lượng tín chỉ: 173 TC Thời gian đào tạo: 5 năm Danh hiệu: Bác sĩ Thú y

Hình thức đào tạo: Chính quy, Vừa làm vừa học, Đào tạo từ xa

Phương thức tổ chức đào tạo: trực tiếp và trực tuyến

Đơn vị quản lý: Khoa Thú y, Trường Nông nghiệp

2. Mục tiêu đào tạo

2.1 Mục tiêu đào tạo chung

Mục tiêu chung của chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Thú y là đào tạo sinh viên trở thành Bác sĩ Thú y có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khoẻ tốt; có trình độ năng lực đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao và phát triển kinh tế của đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế; góp phần phát triển bền vững ngành Chăn nuôi và Thú Y theo hướng hiện đại, an toàn và hiệu quả.

2.2 Mục tiêu đào tạo cụ thể (PEOs)

Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Thú y đào tạo Bác sĩ Thú y với các mục tiêu cụ thể như sau:

a. Đào tạo và giáo dục sinh viên có đủ sức khỏe, phẩm chất đạo đức, chính trị và năng lực chuyên môn để làm việc và quản lý tại các Cơ quan nhà nước, Viện nghiên cứu, Trường Đại học, Cao đẳng, các đơn vị sản xuất và kinh doanh thức ăn động vật và thuốc thú y trong nước và quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội trong sự nghiệp phát triển khoa học kỹ thuật ngành Thú y (PEO1).

b. Đào tạo và giáo dục sinh viên có khả năng tiếp cận thực tiễn, vận dụng hiệu quả và sáng tạo kiến thức được đào tạo và các thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại trong chăn nuôi và thú y để giải quyết các vấn đề thú y và chăn nuôi phát sinh trong thực tế sản xuất, quản lý phòng chống dịch bệnh động vật (PEO2).

c. Đào tạo và giáo dục sinh viên hình thành phương pháp làm việc khoa học, tư duy hệ thống và tư duy phân tích, khả năng trình bày, khả năng làm việc nhóm, và khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh lĩnh vực chăn nuôi và thú y trong bối cảnh hội nhập quốc tế (PEO3).

d. Đào tạo và giáo dục sinh viên hình thành năng lực tự học, tự cập nhật kiến thức và tự nghiên cứu khoa học; ứng dụng những kiến thức và kỹ năng trong trao đổi, học tập ở các Trường đại học quốc tế và tiếp tục học chuyên sâu ở bậc cao học trong nước và quốc tế (PEO4).

3. Chuẩn đầu ra (PLOs)

3.1 Kiến thức

3.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương

a. Áp dụng các nguyên tắc cơ bản của khoa học chính trị, khoa học tự nhiên - xã hội, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh và pháp luật vào các hoạt động chuyên môn Thú y và phát triển cá nhân, phù hợp với bối cảnh xã hội và yêu cầu nghề nghiệp (PLO1).

3.1.2 Khối kiến thức cơ sở ngành

a. Vận dụng kiến thức cơ bản về các lĩnh vực sinh học và bệnh học động vật để thực hiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Thú y, Chăn nuôi và Thủy sản, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp và phát triển bền vững ngành Chăn nuôi - Thú y - Thủy sản (PLO2).

b. Phân tích được tình hình chăn nuôi, diễn biến dịch bệnh và kết quả nghiên cứu khoa học ngành Thú y, nhằm đánh giá thực trạng, đề xuất giải pháp chuyên môn và hỗ trợ ra quyết định phù hợp với yêu cầu thực tiễn ngành (PLO3).

3.1.3 Khối kiến thức chuyên ngành

a. Xây dựng các giải pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền lợi - tập tính, bệnh lý, ngộ độc ở động vật, đồng thời đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho con người, phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu thực tiễn ngành Thú y (PLO4).

b. Chẩn đoán, điều trị và quản lý dịch bệnh động vật bằng cách vận dụng có hệ thống kiến thức về bệnh động vật, Một Sức Khỏe, dịch tễ học, dược lý và Luật Thú y nhằm đảm bảo hiệu quả kiểm soát dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và tuân thủ quy định pháp luật (PLO5).

c. Kết hợp và nâng cao hiệu quả các kết quả khoa học kỹ thuật liên ngành Thú y - Chăn nuôi - Thủy sản để cải thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động chuyên môn, phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi trong quá trình hội nhập quốc tế (PLO6).

d. Giải quyết hiệu quả các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Thú y và Chăn nuôi tại các cơ quan quản lý nhà nước, trang trại, cơ sở sản xuất thuốc - thức ăn chăn nuôi, phòng khám và bệnh viện thú y, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp và bối cảnh thực tiễn ngành (PLO7).

3.2 Kỹ năng

3.2.1 Kỹ năng cứng

a. Kết hợp và sử dụng thành thạo các kỹ thuật hiện đại vào công tác chẩn đoán, phòng - chống dịch bệnh động vật và thủy sản, sản xuất vaccine, chế phẩm sinh học và thuốc thú y, nhằm nâng cao hiệu quả chuyên môn, đáp ứng yêu cầu phát triển công nghệ và kiểm soát dịch bệnh trong bối cảnh mới (PLO8).

b. Quản lý chuyên môn đối với các hoạt động nghề Thú y như quản lý dịch bệnh, vận hành bệnh xá thú y, kinh doanh thuốc thú y - thức ăn vật nuôi, và quản lý - phát triển dự án trong lĩnh vực Thú y, nhằm đảm bảo hiệu quả nghề nghiệp, tính pháp lý và sự phát triển bền vững của ngành (PLO9).

3.2.2 Kỹ năng mềm

a. Giao tiếp hiệu quả đa phương tiện bằng tiếng Việt và ngoại ngữ bao gồm tiếng Anh (tương đương trình độ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B2 theo Khung tham chiếu ngôn ngữ chung châu Âu) với đồng nghiệp, đối tác, doanh nghiệp, người chăn nuôi (PLO10).

b. Xây dựng tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm và năng lực chuyển đổi số, trong các hoạt động nghề Thú y, nhằm thích ứng với biến đổi môi trường làm việc và hội nhập quốc tế (PLO11).

3.3 Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân

a. Bảo vệ quan điểm cá nhân trong các vấn đề chuyên môn Thú y, trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu đạo đức nghề nghiệp, tinh thần phục vụ và ý thức trách nhiệm trong công việc (PLO12).

b. Thể hiện ý thức tổ chức kỷ luật, thái độ nghề nghiệp đúng đắn và đạo đức nghề nghiệp, nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ và uy tín nghề Thú y trong bối cảnh thực tiễn (PLO13).

4. Vị trí việc làm của người tốt nghiệp

- Cán bộ kỹ thuật, quản lý hoặc lãnh đạo tại các đơn vị khuyến nông, Cục thú y, Viện thú y, Chi cục thú y, Trạm thú y, Trung tâm chẩn đoán Thú y, Thủy sản, Viện nghiên cứu, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Khoa học công nghệ tại các huyện, tỉnh hay trung ương.

- Cán bộ kỹ thuật, quản lý hoặc lãnh đạo tại các công ty xí nghiệp kinh doanh như các cơ sở sản xuất thuốc thú y, vắc-xin thú y, Dịch vụ thú y và sản xuất thức ăn chăn nuôi….

- Cán bộ nghiên cứu và giảng dạy tại các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng và trung cấp.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Tiếp tục học tập các chuyên ngành ở các trình độ sau đại học trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y, thủy sản, công nghệ sinh học.

- Thực hiện các nghiên cứu các chuyên ngành sâu về khoa học Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi.

6. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà đơn vị tham khảo

- Chương trình đào tạo đại học ngành Thú y của Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM: https://vet.nlu.edu.vn/dao-tao/dai-hoc/chinh-quy.

- Chương trình đào tạo ngành Thú y của Học viện nông nghiệp Việt Nam: http://tuyensinh.vnua.edu.vn/cac-nganh-dao-tao-dai-hoc/nganh-thu-y/chuong-trinh-dao-tao-nganh-thu-y/

- Chương trình đào tạo ngành Thú y của Trường PUTRA, Malaysia https://www.upm.edu.my/admission/programmes/undergraduate-75800

- Chương trình đào tạo ngành Thú y của Trường Murdoch, Australia https://www.murdoch.edu.au/study/study-levels/undergraduate

- Chương trình đào tạo ngành Thú y của Trường Chiangmai, Thái Lan https://www.vet.cmu.ac.th/webmed/educationvet/#graduate

7. Chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành
Tiếng Anh tăng cường									
1	FL010H	Nghe nói và ngữ âm thực hành (*)	4	4		60			
2	FL011H	Đọc hiểu (*)	3	3		45			
3	FL012H	Viết (*)	3	3		45			
4	FL013H	Ngữ pháp ứng dụng (*)	2	2		30			
5	FL014H	Kỹ năng thuyết trình (*)	3	3		45			
6	FL100H	Thi đánh giá năng lực tiếng Anh (*)	2	2		30			
Cộng: 17 TC (Bắt buộc: 17 TC; Tự chọn: 0 TC)									
Khối kiến thức Giáo dục đại cương									
7	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8		
8	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8		
9	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		24	21		
10	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56		
11	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90		
12	CT003H	Năng lực số ứng dụng (*)	1	1		15			
13	CT004H	Thực hành năng lực số ứng dụng (*)	2	2			60		CT003H
14	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45			

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành
15	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014	
16	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016	
17	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018	
18	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019	
19	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30			
20	ML007	Logic học đại cương	2			30			
21	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			
22	XH011E	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			
23	XH012	Tiếng Việt thực hành	2		2	30			
24	KN002E	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20		
25	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			
26	NN100	Kỹ năng mềm	2			20	20		
27	TN025	Sinh học đại cương A1	2	2		30			
28	TN027	TT. Sinh học đại cương A1	1	1			30		
29	NN109H	Vi sinh đại cương - CNTY	2	2		20	20		
30	NN103H	Di truyền và Chọn giống động vật	2	2		20	20		
31	NS276H	Sinh học động vật	2	2		20	20		
32	NS121H	Hoá sinh động vật	3	3		30	30		
Cộng: 41 TC (Bắt buộc: 36 TC; Tự chọn: 5 TC)									
Khối kiến thức cơ sở ngành									
33	NS141	Nhập môn Ngành Thú y	2	2		30			
34	NS117H	Chẩn đoán lâm sàng	2	2		20	20		
35	NS353H	Chẩn đoán cận lâm sàng	2	2		20	20		
36	NS173H	Cơ thể học động vật	3	3		30	30		
37	NS174H	Dinh dưỡng và Thức ăn vật nuôi	3	3		30	30		
38	NS320H	Mô học động vật	3	3		30	30		
39	NS175H	Sinh lý động vật	3	3		30	30		
40	NN173H	Dược lý thú y	3	3		30	30		
41	NS295H	Vi sinh Thú y	3	3		30	30		
42	NS176	Miễn dịch và Công nghệ vaccine	3	3		30	30		
43	NN174H	Sinh lý bệnh Thú y	2	2		20	20		
44	NN141H	Giải phẫu bệnh lý	2	2		20	20		
45	NN324H	Vệ sinh Thú y	2	2		20	20		
46	NN114H	Tin học ứng dụng trong Thú y	2	2		20	20		
47	NS459H	Phúc lợi và Tập tính học động vật	2	2		30			
48	NS197H	Phương pháp Nghiên cứu Khoa học - TY	2	2		30			
49	NN172H	Xác suất thống kê và Phép thí nghiệm - CNTY	2		2	20	20		
50	NS279H	Thiết bị và Dụng cụ Thú y	2			20	20		
51	TS252H	Thủy sản đại cương	2		2	20	20		
52	NS177H	Bệnh học phân tử	2			20	20		
53	NN341HT	Độc chất học Thú y	2		2	20	20		
54	NN533H	Dược liệu	2			20	20		
Cộng: 45 TC (Bắt buộc: 39 TC; Tự chọn: 6 TC)									
Khối kiến thức Chuyên ngành									
55	NS178H	Nội khoa động vật	3	3		30	30		
56	NS179H	Sản khoa động vật	3	3		30	30		
57	NS180	Ngoại khoa động vật	3	3		30	30		
58	NN303	Dịch tễ học Thú y	2	2		20	20		
59	NS452H	Bệnh truyền nhiễm gia súc	2	2		20	20		
60	NS453H	Bệnh truyền nhiễm gia cầm	2	2		20	20		
61	NS184H	Thực hành Thú y 1	2		2		60		
62	NS284H	Thực tập ngoài trường 1	2				60		
63	NS185H	Thực hành Thú y 2	5		5		150	NS184H	
64	NS285H	Thực tập ngoài trường 2	5				150	NS284H	
65	NS186	Thực hành Thú y 3	5		5		150	NS185H	
66	NS286H	Thực tập ngoài trường 3	5				150	NS285H	
67	NS187H	Bệnh ký sinh động vật	3	3		30	30		

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành
68	NN339H	Chăn nuôi heo	2	2		20	20		
69	NN337H	Chăn nuôi gia cầm	2	2		20	20		
70	NS245H	Công nghệ sinh sản động vật	2	2		20	20		
71	NS454H	Bệnh thú cưng	3	3		30	30		
72	NS120H	Kiểm nghiệm sản phẩm động vật	2	2		20	20		
73	NN304HT	Bệnh dinh dưỡng động vật	2	2		20	20		
74	NN323	Luật Thú y	2	2		30			
75	NN532H	Kiểm nghiệm dược Thú y	2		2	20	20		
76	NS455H	Dược lâm sàng	2			20	20		
77	NS456H	Một sức khỏe	2		4	30			
78	NS230HT	Bệnh truyền lây giữa động vật và người	2			20	20		
79	NS460H	Bệnh học Thủy sản	2			20	20		
80	NN317H	Nuôi động vật thí nghiệm	2		4	20	20		
81	NN338H	Chăn nuôi gia súc nhai lại	2			20	20		
82	NS457H	Chăn nuôi thú cưng	2			30			
83	NS458H	Quản trị Nghề Thú y	2				60		
84	NN572H	Luận văn tốt nghiệp - Thú y	15		15		450	≥ 155TC	
85	NN570H	Tiểu luận tốt nghiệp - Thú y	6				180	≥ 155TC	
86	NS280H	Thú y Chuyên ngành 1	4			45	30	≥ 155TC	
87	NS281H	Thú y Chuyên ngành 2	5			45	60	≥ 155TC	
Cộng: 70 TC (Bắt buộc: 33 TC; Tự chọn: 37 TC)									
Tổng cộng: 173 TC (Bắt buộc: 125 TC; Tự chọn: 48 TC)									

BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG

Trần Trung Tính

HỘI ĐỒNG KH&ĐT
CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Hải

TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP
HIỆU TRƯỞNG

Lê Văn Vàng